CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 91, Điều 92 và Điều 139 của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính trong nước; tham gia phát triển thị trường các-bon trong nước; sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính* là hệ thống thu thập, xử lý, quản lý, lưu trữ, cung cấp và kiểm tra thông tin về kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đảm bảo tính minh bạch, tính chính xác và có thể kiểm chứng được.

a) *Đo đạc* là hoạt động đo trực tiếp hoặc gián tiếp theo phương pháp được công nhận để xác định lượng khí nhà kính giảm được của biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được áp dụng;

b) *Báo cáo* là hoạt động tính toán, tổng hợp và gửi kết quả *đo đạc* mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thông tin liên quan khác theo hướng dẫn, quy trình, biểu mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) *Thẩm định* là hoạt động đánh giá *báo cáo* kết quả đo đạc mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thông tin liên quan khác theo phương pháp và quy trình đã được cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. *Kiểm kê khí nhà kính* là hoạt động thu thập thông tin, số liệu về các nguồn phát thải khí nhà kính, tính toán lượng phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính trong một phạm vi xác định và trong một năm cụ thể theo phương pháp và quy trình được cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. *Kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường (BAU)* là giả định có cơ sở khoa học về mức phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thông thường ở tương lai khi chưa thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. *Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn* là các hóa chất được quy định tại Phụ lục A, B, C, E và F của Nghị định thư Montreal (sau đây gọi tắt là các chất được kiểm soát).

5. *Tấn CO_2 tương đương* là khối lượng của các khí nhà kính được quy đổi thành tấn CO_2 theo hệ số làm nóng lên toàn cầu của các khí nhà kính đó. Hệ số làm nóng lên toàn cầu của các khí nhà kính do Ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu quy định.

Điều 4. Nguyên tắc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

1. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn phải phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, pháp luật hiện hành và các quy định, điều ước quốc tế có liên quan với mục đích phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh gắn liền với phát triển bền vững.

2. Quản lý hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải tuân theo nguyên tắc trách nhiệm, thống nhất, công bằng, minh bạch; mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh theo ưu tiên phát triển quốc gia và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Thị trường các-bon nhằm mục đích giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với chi phí hiệu quả, tăng sức cạnh tranh của quốc gia theo hướng phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh gắn liền với phát triển bền vững.

4. Nhập khẩu, xuất khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát chỉ được thực hiện với các nước là thành viên của Nghị định thư Montreal.

Chương II.

GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

Mục 1.

GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Điều 5. Đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính quy định tại Phụ lục I Nghị định này.

2. Các lĩnh vực phải kiểm kê khí nhà kính bao gồm: năng lượng (bao gồm cả năng lượng trong giao thông vận tải), nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp.

3. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện, hoạt động của mình.

Điều 6. Xây dựng và cập nhật danh mục các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, tổng hợp, xây dựng danh mục các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2022.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tại địa phương kiểm tra, rà soát, lập danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn theo Phụ lục I Nghị định này gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ quản lý lĩnh vực có liên quan trước ngày 31 tháng 12 hằng năm kể từ năm 2022.

3. Định kỳ hai năm một lần, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cập nhật danh mục các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính.

Điều 7. Mục tiêu, lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), bao gồm mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan định kỳ cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

3. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cho giai đoạn đến hết năm 2025, giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030; thực hiện các biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

4. Các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở theo lộ trình sau đây:

a) Giai đoạn đến hết năm 2025, thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện, công nghệ, quản lý của cơ sở;

b) Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

5. Khuyến khích các dự án đầu tư mới áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính hoặc tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm:

a) Các biện pháp chính sách, quản lý hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

b) Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, cấp cơ sở;

c) Chuyển đổi công nghệ, áp dụng quy trình sản xuất, sử dụng dịch vụ ít phát thải khí nhà kính;

d) Tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 8. Tăng cường hấp thụ khí nhà kính

1. Các tổ chức, chủ rừng, cá nhân tham gia quản lý rừng có trách nhiệm xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng để tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được tham gia các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng mục tiêu, lộ trình thực hiện các phương thức tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng, lồng ghép trong kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

b) Thu thập số liệu, tính toán mức hấp thụ khí nhà kính tại các vùng sinh thái có rừng trên cơ sở điều tra rừng, tổng hợp trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này;

c) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính từ quản lý rừng bền vững, bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ, sinh khối và chất lượng rừng trên phạm vi cả nước.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Có ý kiến bằng văn bản đối với việc đề xuất thực hiện các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thu được từ các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính bảo đảm các mục tiêu quốc gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Quản lý, tổng hợp tình hình thực hiện các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thu được từ các hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính;

c) Tổng hợp số liệu về hấp thụ khí nhà kính trên phạm vi cả nước, xây dựng báo cáo kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ hai năm một lần.

Điều 9. Hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Việc theo dõi, giám sát tuân thủ các quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được thực hiện thông qua Hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối của Hệ thống quốc gia đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại Điều 10 Nghị định này; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

3. Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này có trách nhiệm:

a) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý;

b) Hướng dẫn quy trình, quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý;

c) Hướng dẫn các cơ sở trong phạm vi lĩnh vực quản lý thực hiện đo đạc, báo cáo và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

d) Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác có liên quan có trách nhiệm:

a) Cung cấp số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện kiểm tra việc tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này trên địa bàn quản lý;

b) Cung cấp thông tin, số liệu liên quan phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

6. Cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, đơn vị thẩm định quy định tại khoản 1 Điều 14 và các tổ chức liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cung cấp thông tin, số liệu hoạt động phục vụ đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ quản lý lĩnh vực.

Điều 10. Nội dung hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Yêu cầu về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

a) Đo đạc phải được thực hiện theo quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo độ chính xác, tính minh bạch, liên tục và nhất quán của kết quả đo đạc. Phương pháp đo đạc được xây dựng trên cơ sở các quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của Việt Nam;

b) Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải thể hiện đầy đủ, chính xác thông tin về phương pháp đo đạc, số liệu hoạt động, hệ số phát thải áp dụng, giải pháp công nghệ, phương thức quản lý để giảm phát thải khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Báo cáo phải bảo đảm tính toàn diện của các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được xây dựng theo các quy định về biểu mẫu, phương thức và thời gian quy định tại quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do đơn vị đủ điều kiện thực hiện theo trình tự do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, tuân thủ các hướng dẫn chi tiết của các Bộ quản lý lĩnh vực. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. Đo đạc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này thực hiện đo đạc kết quả triển khai các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở theo hướng dẫn của các Bộ quản lý lĩnh vực;

b) Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này thực hiện đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, bao gồm việc thực hiện các chính sách, quy định pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

a) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hằng năm gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ quản lý lĩnh vực, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 kể từ năm 2023;

b) Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực định kỳ hằng năm gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo kể từ năm 2023;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm rà soát, tổng hợp báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và cấp cơ sở phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, các báo cáo quốc gia khác về biến đổi khí hậu theo cam kết quốc tế thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

d) Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực và cấp cơ sở được xây dựng theo mẫu số 01 và mẫu số 02 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường giao đơn vị trực thuộc làm đầu mối tổ chức thẩm định nội dung báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực; thành lập hội đồng có ít nhất chín (09) thành viên, bao gồm: Chủ tịch hội đồng, một (01) Ủy viên thư ký, hai (02) Ủy viên phản biện và các ủy viên. Hội đồng có ít nhất 50% số thành viên hội đồng có kinh nghiệm liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và ít nhất 30% số thành viên hội đồng có kinh nghiệm về lĩnh vực;

b) Thành viên hội đồng thẩm định có nhiệm vụ nghiên cứu báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, viết bản nhận xét về nội dung thẩm định và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình;

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực về kết quả thẩm định;

d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định, cơ quan xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu của hội đồng thẩm định và ra quyết định phê duyệt báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, kèm theo văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở do đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14 Nghị định này thực hiện theo quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định do các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này ban hành.

Điều 11. Kiểm kê khí nhà kính

1. Yêu cầu về kiểm kê khí nhà kính

a) Phương pháp kiểm kê khí nhà kính được áp dụng theo các hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu;

b) Số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính phải đảm bảo tính liên tục, độ chính xác và tin cậy, có thể kiểm tra, so sánh và đánh giá;

c) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính phải thể hiện đầy đủ thông tin về phương pháp kiểm kê, số liệu hoạt động, hệ số phát thải áp dụng và kết quả kiểm kê khí nhà kính;

d) Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở được thực hiện bởi đơn vị thẩm định, tuân thủ các hướng dẫn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy;

đ) Thông tin về kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, lĩnh vực được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và các lĩnh vực liên quan.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối kiểm kê quốc gia khí nhà kính, có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức hoạt động kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia; xác định kỳ kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực và cấp cơ sở để bảo đảm sự thống nhất theo quy định;

b) Phổ biến các quy định, phương pháp kiểm kê khí nhà kính của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu;

c) Phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực công bố phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, cơ sở;

d) Công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính;

đ) Kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng kiểm kê quốc gia khí nhà kính, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, quy định trình tự thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở;

e) Tổ chức xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính; cập nhật số liệu hoạt động, kết quả kiểm kê khí nhà kính và thông tin liên quan vào cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.

3. Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này là các cơ quan thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực và xây dựng báo cáo theo các mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Công bố phương pháp kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, cơ sở thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý;

c) Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý;

d) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý;

đ) Cung cấp số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Tổ chức xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

4. Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo theo mẫu số 06 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; gửi cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ quản lý lĩnh vực, Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;

b) Cung cấp số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực theo hướng dẫn của các Bộ quản lý lĩnh vực.

5. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường giao đơn vị trực thuộc làm đầu mối tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực; thành lập hội đồng thẩm định có tổng số ít nhất chín (09) thành viên, bao gồm: Chủ tịch hội đồng, một (01) Ủy viên thư ký, hai (02) Ủy viên phản biện và các ủy viên. Hội đồng có ít nhất 50% số thành viên hội đồng có kinh nghiệm liên quan đến kiểm kê khí nhà kính và ít nhất 30% số thành viên hội đồng có kinh nghiệm về lĩnh vực;

b) Thành viên hội đồng thẩm định có nhiệm vụ nghiên cứu báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, viết bản nhận xét về nội dung thẩm định và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình;

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực về kết quả thẩm định;

d) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định, cơ quan xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu của hội đồng thẩm định và ra quyết định phê duyệt báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực, kèm theo văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở do đơn vị thẩm định quy định tại Điều 14 Nghị định này thực hiện theo hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở do các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này ban hành.

Điều 12. Phân bổ, điều chỉnh, thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Căn cứ mục tiêu, lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 7 Nghị định này và kết quả kiểm kê khí nhà kính trong kỳ kiểm kê gần nhất của các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

2. Căn cứ vào tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều này, kết quả kiểm kê khí nhà kính trong kỳ kiểm kê gần nhất và tình hình thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, thống nhất với các Bộ quản lý lĩnh vực liên quan tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

3. Chi phí phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trích từ tiền thu được

thông qua hoạt động đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này. Căn cứ yêu cầu quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quyết định tỷ lệ trích từ tiền thu được qua hoạt động đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

4. Tổng số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này không vượt quá 90% tổng hạn ngạch quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định tỷ lệ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trong số hạn ngạch chưa phân bổ cho các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 để đấu giá.

6. Cơ sở có nhu cầu điều chỉnh hạn ngạch gửi đăng ký về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu số 07 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký điều chỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định điều chỉnh hạn ngạch và thông báo cho cơ sở; trường hợp không điều chỉnh phải nêu rõ lý do.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét thu hồi hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã được phân bổ của các cơ sở dừng hoạt động, giải thể hoặc phá sản.

Điều 13. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Yêu cầu đối với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

a) Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực được xây dựng dựa trên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực; kết quả kiểm kê khí nhà kính và kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường trong kỳ kế hoạch;

b) Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được xây dựng dựa trên tính chất, quy mô hoạt động, công suất, công nghệ hiện có và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cơ sở; kết quả kiểm kê khí nhà kính và dự kiến mức phát thải khí nhà kính trong kỳ kế hoạch;

c) Lựa chọn các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được xác định trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định hoặc các biện pháp khác phù hợp với điều kiện về công nghệ, tài chính, mức độ sẵn sàng áp dụng và có thể đo đạc, báo cáo, thẩm định được;

d) Phương pháp xác định lượng khí nhà kính giảm được của biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được xây dựng theo các hướng dẫn về phương pháp đo đạc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành;

đ) Có phương án theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định về đo đạc, báo cáo và thẩm định.

2. Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này có trách nhiệm:

a) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cho giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 3 năm 2023;

b) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 năm 2026;

3. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực xây dựng theo mẫu số 01 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, bao gồm:

a) Kết quả kiểm kê khí nhà kính của các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý cho năm gần nhất;

b) Kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường và ước tính lượng giảm phát thải khí nhà kính tiềm năng;

c) Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 và giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định;

d) Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện;

đ) Đánh giá hiệu quả kinh tế, tác động tới xã hội và môi trường của các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

e) Phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm:

a) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 gửi cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2022;

b) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 gửi cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được xây dựng theo mẫu số 02 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở cho năm gần nhất;

b) Mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

c) Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 và giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030;

d) Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở;

đ) Đánh giá hiệu quả kinh tế, tác động tới xã hội và môi trường của các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

e) Phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

6. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

a) Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực khi có thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc xuất hiện những yếu tố, nguy cơ tác động tiêu cực lớn tới chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ yêu cầu điều chỉnh.

b) Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở khi có thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này hoặc được thực hiện theo nhu cầu của chủ cơ sở.

Điều 14. Yêu cầu đối với đơn vị thẩm định

1. Đơn vị đủ điều kiện thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là tổ chức có năng lực thẩm định được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận; hoặc được cấp chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 về các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định và kiểm định khí nhà kính sử dụng trong việc công nhận hoặc các hình thức thừa nhận khác; hoặc có kỹ thuật viên được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực tương ứng.

2. Đơn vị thẩm định thực hiện thẩm định theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

3. Các đơn vị gửi đề nghị theo mẫu số 08 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này chứng minh đủ điều kiện thực hiện thẩm định quy định tại khoản 1 Điều này về Bộ Tài nguyên và Môi trường để được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

Điều 15. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kiểm tra, giám sát hoạt động thẩm định của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Các Bộ quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực quản lý.

3. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn quản lý.

Mục 2.
TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TRONG NƯỚC

Điều 16. Đối tượng tham gia thị trường các-bon trong nước

1. Cơ sở phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

2. Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon.

Điều 17. Lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước

1. Giai đoạn đến hết năm 2027

a) Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon;

b) Hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon kể từ năm 2026;

d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.

2. Giai đoạn từ năm 2028

a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2028;

b) Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

Điều 18. Xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch trên sàn giao dịch của thị trường các-bon trong nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận lượng tín chỉ các-bon thu được từ chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và hạn ngạnh phát thải khí nhà kính được phân bổ quy định tại Điều 12 Nghị định này để giao dịch trên sàn của thị trường các-bon trong nước.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon bao gồm:

a) Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo Mẫu số 01 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính quy định tại đểm a khoản 4 Điều 11 Nghị định này;

c) Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định này;

3. Trình tự, thủ tục xác nhận

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều này nộp hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này về Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xác nhận theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp tại trụ sở của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gửi qua đường bưu điện; đăng ký điện tử;

b) Trong thời hạn mời lăm (15) ngày, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xác minh, cấp giấy xác nhận; trong trường hợp không cấp giấy xác nhận thì phải nêu rõ lý do.

4. Giấy xác nhận tín chỉ các-bon, hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 19. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên thị trường các-bon trong nước

1. Việc trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được thực hiện trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon, thị trường các-bon trong nước theo quy định.

2. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được giao dịch

a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính được quy đổi sang tín chỉ các-bon để giao dịch trên sàn giao dịch. Một (01) đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính bằng một (01) tín chỉ các-bon.

b) Tín chỉ các-bon thu được từ chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được phép chuyển đổi thành đơn vị bù trừ cho hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên sàn giao dịch. Một (01) tín chỉ các-bon bằng một (01) tấn CO_2 tương đương.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa phân bổ quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

4. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam quản lý tiền thu được qua đấu giá. Tiền thu được qua đấu giá được chi cho hoạt động phân bổ hạn ngạch quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này và chi hỗ trợ cho các hoạt động quản lý, giám sát, thực hiện hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Chuyển giao, vay mượn, nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính

a) Các cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết trong một (01) năm tuân thủ sang năm tuân thủ tiếp theo trong cùng một (01) giai đoạn cam kết. Trong trường hợp không có đơn đề nghị chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính, cơ sở được coi là tự động nộp trả số hạn ngạch phát thải khí nhà kính còn lại đã được phân bổ trong một (01) năm tuân thủ;

b) Các cơ sở có thể vay hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho năm tuân thủ tiếp theo để sử dụng trong năm tuân thủ trước đó trong cùng một (01) giai đoạn cam kết;

c) Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia;

d) Các cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ các dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon để bù cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ trong một (01) giai đoạn cam kết. Số lượng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải không được vượt quá 10% tổng số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho cơ sở trong một năm (01) tuân thủ;

đ) Vào cuối mỗi giai đoạn cam kết, các cơ sở phải nộp tiền thanh toán cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá số hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ sau khi áp dụng các hình thức chuyển giao, vay mượn, sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ. Ngoài việc phải nộp tiền thanh toán, lượng phát thải khí nhà

kính vượt quá lượng hạn ngạch được phân bổ sẽ được trừ vào hạn ngạch phân bổ cho giai đoạn cam kết sau đó;

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chuyển giao, vay mượn và nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính; quy định các cơ chế tạo tín chỉ các-bon được phép chuyển đổi sang đơn vị bù trừ cho hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Điều 20. Thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

1. Đối tượng xây dựng, thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu xây dựng, thực hiện chương trình, dự án;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu xây dựng, thực hiện chương trình, dự án trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình, dự án tới Bộ Tài nguyên và Môi trường theo một trong các cách: Nộp trực tiếp tại trụ sở của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Gửi qua đường bưu điện; Đăng ký điện tử. Hồ sơ đề nghị chấp thuận dự án bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chương trình, dự án;

b) Tài liệu chương trình, dự án được xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

c) Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định chương trình, dự án của cơ quan thẩm định độc lập theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường phù hợp với quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp) các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của chương trình, dự án theo quy định hiện hành.

3. Đánh giá và chấp thuận chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

a) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản cho tổ chức, cá nhân để thông báo về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ

sơ đề nghị là không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình, dự án thông qua việc lấy ý kiến cơ quan có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ;

c) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận chương trình, dự án; trường hợp không được chấp thuận chương trình, dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do.

4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tổ chức đánh giá chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, chỉ định đơn vị trực thuộc làm cơ quan thường trực đánh giá và quy định cụ thể về nhiệm vụ của cơ quan này.

5. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện chương trình, dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon ngoài khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Khi đăng ký chương trình, dự án theo cơ trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon phải gửi thông tin đăng ký về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, dự án đăng ký theo cơ trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon phải định kỳ cung cấp thông tin tình hình thực hiện cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm theo mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản đối với việc đề xuất thực hiện các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon ngoài khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam bảo đảm các mục tiêu quốc gia về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 21. Trách nhiệm phát triển thị trường các-bon trong nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các hoạt động kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường tín chỉ các-bon khu vực và thế giới; quy định thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon; thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập, vận hành thí điểm và vận hành chính thức sàn giao dịch tín chỉ các-bon phục vụ quản lý và theo dõi, giám sát thị trường các-bon; quy định lệ phí giao dịch trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

Chương III.
BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN

Điều 22. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát và lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát

1. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát bao gồm:

a) Bromochloromethane;

b) Carbon tetrachloride (sau đây gọi tắt là CTC);

c) Chlorofluorocarbon (sau đây gọi tắt là CFC);

d) Halon;

đ) Hydrobromofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HBFC);

e) Hydrochlorofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HCFC);

g) Methyl bromide;

h) Methyl chloroform.

2. Lộ trình quản lý, loại trừ các chất HCFC theo giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024: tổng lượng tiêu thụ quốc gia không vượt quá 2.600 tấn/năm;

b) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029: tổng lượng tiêu thụ quốc gia không vượt quá 1.300 tấn/năm;

c) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2039: tổng lượng tiêu thụ quốc gia không vượt quá lượng trung bình 100 tấn/năm;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2040: Cấm nhập khẩu và xuất khẩu các chất HCFC.

3. Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HCFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HCFC nhập khẩu trừ (-) lượng các chất HCFC được xuất khẩu.

4. Chất Methyl bromide chỉ được nhập khẩu cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng xuất khẩu.

5. Các hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Nhập khẩu, sử dụng các chất Bromochloromethane, CTC, CFC, Halon, HBFC, Methyl chloroform, HCFC 141b;

b) Sản xuất tạo ra các chất làm suy giảm tầng ô-dôn quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này;

c) Sản xuất và nhập khẩu HCFC 141b trộn sẵn trong polyol từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

d) Nhập khẩu, sản xuất điều hòa không khí gia dụng có chứa HCFC 22 từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 23. Chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát và lộ trình quản lý, loại trừ chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát

1. Chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát là các chất Hydrofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HFC).

2. Lộ trình quản lý, loại trừ các chất HFC theo giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028: tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia không vượt mức cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2034: tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia không vượt 90% mức cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2035 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2039: tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia không vượt 70% mức cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2040 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2044: tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia không vượt 50% mức cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2045: tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia không vượt 20% mức cơ sở quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất HFC

a) Mức sản xuất cơ sở các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng sản xuất trung bình các chất HFC của các năm 2020, 2021, 2022.

b) Mức tiêu thụ cơ sở các chất HFC được xác định trên cơ sở mức tiêu thụ

trung bình các chất HFC quy đổi theo lượng CO_2 tương đương của các năm 2020, 2021, 2022 cộng (+) với 65% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC quy đổi theo lượng CO_2 tương đương. Tổng mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC là 5.825.991,5 tấn CO_2 tương đương.

4. Tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia các chất HFC

a) Tổng lượng sản xuất quốc gia các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HFC được sản xuất trừ (-) lượng các chất HFC được tiêu hủy, quy đổi theo lượng CO_2 tương đương.

b) Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HFC nhập khẩu trừ (-) lượng các chất HFC được xuất khẩu, quy đổi theo lượng CO_2 tương đương.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất HFC của Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; định kỳ công bố tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia theo giai đoạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 24. Đăng ký và báo cáo việc sử dụng các chất được kiểm soát

1. Đối tượng phải đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 22 và khoản 1 Điều 23 Nghị định này, bao gồm:

a) Tổ chức có hoạt động sản xuất ra chất được kiểm soát;

b) Tổ chức có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát;

c) Tổ chức sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất bằng các chất được kiểm soát;

d) Tổ chức sở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định lớn hơn 26,38 kW (90.000 BTU/h) và có tổng năng suất lạnh danh định của các máy điều hòa không khí lớn hơn 234,46 kW (800.000 BTU/h); thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện lớn hơn 40 kW.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là tổ chức đăng ký) nộp tới Bộ Tài nguyên và Môi trường 01 bộ hồ sơ đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát (sau đây gọi là hồ sơ đăng ký) trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo mẫu số 01 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đăng ký theo quy định pháp luật: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký là không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp hồ sơ đăng ký và công bố thông tin về tổ chức đã hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát trên trang thông tin cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

6. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát về Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện trước ngày 31 tháng 01 hằng năm theo mẫu số 02 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Trường hợp đăng ký lần đầu sau ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổ chức có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát theo quy định tại Điều này.

Điều 25. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý các chất được kiểm soát

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý, phân bổ tổng hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo giai đoạn và hằng năm; gửi thông báo cho Bộ Công thương trước ngày 31 tháng 12 cuối mỗi giai đoạn để thực hiện phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC;

b) Thực hiện phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu các chất HFC theo lộ trình quy định tại khoản 2, Điều 23 Nghị định này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Bộ Công Thương thực hiện phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các chất HCFC theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, thực hiện cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu chất Methyl bromide cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng xuất khẩu.

Điều 26. Nguyên tắc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát

1. Hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát được phân bổ cho các tổ chức từng năm, không vượt quá tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia các chất được kiểm soát.

2. Việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát cho tổ chức đăng ký lần đầu sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 được xác định trên cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sử dụng hạn ngạch, hồ sơ năng lực của công ty và cân đối tổng hạn ngạch quốc gia.

3. Các tổ chức được phân bổ hạn ngạch chỉ được sử dụng hạn ngạch trong năm được phân bổ.

4. Việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát cho tổ chức hằng năm được xác định theo yêu cầu quản lý hạn ngạch, nhu cầu sử dụng và lượng sử dụng trung bình của tổ chức trong ba (03) năm gần nhất.

5. Các tổ chức sử dụng các chất gây hiệu ứng nhà kính có giá trị nóng lên toàn cầu thấp, được xem xét, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu. Việc xem xét, bổ sung hạn ngạch căn cứ theo xếp hạng dựa trên tỷ lệ lượng tiêu thụ tương ứng của tổ chức trong ba (03) năm gần nhất, không vượt quá 10% tổng lượng sản xuất và tiêu thụ quốc gia.

6. Việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch được thực hiện theo đề nghị của tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch, tình hình sử dụng hạn ngạch của các tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch và yêu cầu quản lý hạn ngạch.

Điều 27. Trình tự, thủ tục phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát

1. Tổ chức có hoạt động sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị định này được xem xét phân bổ hạn ngạch sử dụng các chất được kiểm soát khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hoàn thành thủ tục đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này;

b) Hoàn thành báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định này.

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này đối với tổ chức đang hoạt động hoặc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với tổ chức đăng ký lần đầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đánh giá và quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu theo quy định tại mẫu số 03A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này trước ngày 28 tháng 02 hằng năm. Đối với việc phân bổ hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu các chất HCFC, Bộ Công Thương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về dự thảo phân bổ hạn ngạch cho các tổ chức và các hồ sơ liên quan về đánh giá năng lực của tổ chức đăng ký lần đầu (nếu có).

3. Căn cứ vào quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát tới tổ chức đăng ký theo mẫu số 05A và mẫu số 05B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Các tổ chức có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát gửi đơn đề nghị theo mẫu số 04 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung. Việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch được thực hiện theo trình tự phân bổ hạn ngạch. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu theo quy định tại mẫu số 03B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo mẫu số 06 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này trong các trường hợp sau:

a) Cung cấp sai thông tin trong báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Chuyển nhượng hoặc sử dụng trái phép quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát;

c) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chậm nhất sau năm (05) ngày làm việc kể từ khi ban hành quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung, hủy phân bổ hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các chất HCFC, Bộ Công Thương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Hải quan để biết, phối hợp.

7. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát, đánh giá, tổng hợp về việc đăng ký sử dụng; phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sử dụng các chất được kiểm soát; thực hiện các hoạt động khác để phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch; gửi quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phối hợp quản lý, giám sát.

Điều 28. Trình tự, thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát

1. Đối tượng được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát nộp tới Bộ Công Thương 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát (sau đây gọi là hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu) theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện.

2. Hồ sơ nhập khẩu, xuất khẩu bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát theo mẫu số

07A và mẫu số 07B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này: một (01) bản chính.

b) Hợp đồng nhập khẩu, xuất khẩu: một (01) bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức.

c) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Bộ Công Thương thông báo cho tổ chức nhập khẩu, xuất khẩu về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhập khẩu, xuất khẩu là không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Trong thời hạn tối đa mười (10) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu cho tổ chức qua hệ thống một cửa quốc gia theo mẫu số 08A và mẫu số 08B của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này; gửi giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu cho tổ chức đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu và Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

5. Khi làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu các chất được kiểm soát, tổ chức nhập khẩu nộp cho cơ quan Hải quan các giấy tờ sau:

a) Văn bản thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phân bổ hạn ngạch sử dụng trong năm: một (01) bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức;

b) Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu do Bộ Công Thương cấp: một (01) bản chính;

c) Các giấy tờ khác theo quy định pháp luật về hải quan.

Điều 29. Kế hoạch quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát

1. Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn phải phù hợp với các cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phù hợp với điều kiện thực hiện quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính.

2. Nội dung chính của Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát bao gồm:

a) Đánh giá hiện trạng sử dụng, quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; dự báo xu hướng thay đổi; mục tiêu, lộ trình, chỉ tiêu của kế hoạch;

b) Loại và tổng lượng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo giai đoạn và lĩnh vực sử dụng;

c) Biện pháp quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; giải pháp hợp tác, chia sẻ thông tin;

d) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, các bên liên quan trong tổ chức thực hiện, triển khai kế hoạch.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành Kế hoạch quốc gia quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát.

Điều 30. Thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất được kiểm soát

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu các trang thiết bị có chứa chất được kiểm soát có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 Nghị định này thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất được kiểm soát theo nguyên tắc:

a) Bắt buộc thực hiện thu gom các chất được kiểm soát khi không còn sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024;

b) Khuyến khích thực hiện tái chế, tái sử dụng các chất được kiểm soát sau khi thực hiện thu gom;

c) Trường hợp không thực hiện tái chế, tái sử dụng các chất được kiểm soát, tổ chức phải thực hiện tiêu hủy theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại;

d) Thực hiện báo cáo việc sử dụng các chất được kiểm soát hằng năm theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định này.

3. Việc thu gom các chất được kiểm soát cùng các loại chất thải nguy hại khác phát sinh của tổ chức tuân theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Đối với trường hợp không thuộc khoản này thì theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, thu gom, xử lý các chất được kiểm soát thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thiết bị chuyên dụng cho hoạt động thu gom các chất được kiểm soát bao gồm máy thu hồi, bình chứa thu hồi, bơm chân không, cân định lượng, thiết

bị kiểm tra rò rỉ, đồng hồ đo áp suất và các dụng cụ an toàn;

b) Có tối thiểu năm (05) kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu tại khoản 5 Điều này;

c) Có cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, quy trình vận hành an toàn theo quy định của pháp luật.

5. Kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát phải có bằng cấp, chứng nhận phù hợp.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với hệ thống lạnh và điều hòa không khí; quy định chuẩn đầu ra đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp có liên quan đến các chất được kiểm soát trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hoạt động thu gom, xử lý các chất được kiểm soát trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 31. Trách nhiệm trong quản lý các chất được kiểm soát

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Viên và Nghị định thư Montreal, có trách nhiệm:

a) Thực hiện thống nhất quản lý các chất được kiểm soát; quản lý, phân bổ tổng hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo giai đoạn và hằng năm; thực hiện phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng các báo cáo về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam; ban hành, cập nhật danh mục và hướng dẫn sử dụng các chất được kiểm soát;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về điều kiện sản xuất, sử dụng các chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà Việt Nam là thành viên;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan tham mưu giúp Chính phủ xác định các nội dung ưu tiên của Việt Nam thực hiện kế hoạch quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát theo yêu cầu của quốc tế;

đ) Làm đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin với Ban thư ký Công ước Viên và Nghị định thư Montreal; điều phối, tổ chức việc thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia đối với Nghị định thư Montreal; kiến nghị, đề xuất việc thực hiện và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội nghị các Bên tham gia Công ước Viên và Nghị định thư Montreal; phối hợp với cơ quan đầu mối của các quốc gia khác trong việc thực hiện các biện pháp tuân thủ Nghị định thư Montreal liên quan đến

trách nhiệm và nghĩa vụ của Việt Nam;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ thanh tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc phân bổ và sử dụng hạn ngạch; quản lý việc thu gom, xử lý các chất được kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất được kiểm soát;

g) Tổ chức thực hiện các nội dung được giao theo quy định của Nghị định này.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Danh mục các chất được kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 22 Nghị định này;

b) Thực hiện phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các chất HCFC theo quy định tại Nghị định này;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan đầu mối quốc gia để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam trước ngày 30 tháng 01 hằng năm theo mẫu số 09 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này và khi có đề nghị của cơ quan đầu mối quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện các nội dung được giao theo quy định của Nghị định này.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan:

a) Thực hiện việc quản lý, cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất Methyl bromide cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng xuất khẩu quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định này;

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan đầu mối quốc gia để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam trước ngày 30 tháng 01 hằng năm theo mẫu số 09 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này và khi có đề nghị của cơ quan đầu mối quốc gia.

4. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về ưu đãi, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, chuyển đổi công nghệ loại trừ các chất được kiểm soát;

b) Áp dụng mã số phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đối với các chất được kiểm soát phù hợp với thông lệ khu vực, quốc tế và căn cứ theo yêu cầu của quản lý chuyên ngành;

c) Chỉ đạo Tổng cục Hải quan tổ chức, hướng dẫn cơ quan hải quan địa phương kiểm tra, kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát;

d) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hải quan về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các chất và hàng hóa có chứa các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan đầu mối quốc gia để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam trước ngày 30 tháng 01 hằng năm theo mẫu số 10 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này và khi có đề nghị của cơ quan đầu mối quốc gia.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan:

a) Giám sát việc thực hiện loại trừ và các quy định về thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất được kiểm soát của các tổ chức trên địa bàn quản lý;

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến các tổ chức sử dụng các chất được kiểm soát trên địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền về những trường hợp vi phạm quy định về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan;

d) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát trên địa bàn.

Chương IV.

CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN

Điều 32. Xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là đầu mối quốc gia thực hiện các công ước, điều ước quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn có trách nhiệm chủ trì đàm phán xây dựng, triển khai thực hiện, cung cấp thông tin về tình hình thực hiện các cơ chế, phương thức hợp tác theo quy định của các điều ước quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn mà Việt Nam là thành viên.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác song phương, đa phương về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Điều 33. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn bảo đảm các mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn.

Điều 34. Nguồn lực cho giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước, cam kết, sáng kiến quốc tế, hợp tác quốc tế có liên quan và đóng góp niên liễm, các khoản đóng góp khác cho các công ước có liên quan được sử dụng nguồn sự nghiệp hành chính, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp bảo vệ môi trường, huy động hỗ trợ quốc tế và sự tham gia của doanh nghiệp theo quy định.

Điều 35. Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng, huy động sự tham gia của nhân dân về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

2. Các biện pháp tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức bao gồm:

a) Tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các cơ sở, ngành và địa phương; kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát;

c) Phổ cập nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn thông qua hệ thống giáo dục các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Đưa nội dung thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn vào hoạt động của các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức đoàn thể quần chúng;

đ) Tổ chức các phòng trưng bày sản phẩm, công nghệ, tổ chức các cuộc thi sáng tạo về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Điều 36. Khuyến khích các hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

1. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tiêu hủy các chất gây hiệu ứng nhà kính này được áp dụng cơ chế hợp tác, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn, sử dụng các chất thay thế thân thiện khí hậu được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi công nghệ nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn; cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương V.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TCĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC I.

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CƠ SỞ PHẢI KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO_2 tương đương trở lên hoặc thuộc các trường hợp dưới đây phải kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Điều 11 Nghị định này:

a) Các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 nghìn tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;

b) Cơ sở chăn nuôi bò có số lượng đầu con từ 500 trở lên; cơ sở chăn nuôi lợn có số lượng đầu con xuất chuồng hằng năm từ 3.000 trở lên;

c) Các công ty kinh doanh vận tải hàng hoá đường bộ có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;

d) Các tòa nhà thương mại có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;

đ) Cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hằng năm từ 65.000 tấn trở lên.

PHỤ LỤC II.

MẪU BÁO CÁO KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành công thương
Mẫu số 02	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành giao thông vận tải
Mẫu số 03	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành nông nghiệp
Mẫu số 04	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành tài nguyên và môi trường
Mẫu số 05	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành xây dựng
Mẫu số 06	Mẫu báo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở
Mẫu số 07	Mẫu đề nghị điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính
Mẫu số 08	Mẫu đề nghị công nhận đơn vị đủ điều kiện thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Mẫu số 01

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành công thương năm …

I. Mô tả chung

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm …

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực năng lượng

a) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động đốt nhiên liệu

b) Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động phát tán từ nhiên liệu

2. Kiểm kê khí nhà kính cho lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm (IPPU)

a) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp hóa chất

b) Phát thải khí nhà kính từ công nghiệp luyện kim

c) Phát thải khí nhà kính từ sử dụng các sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành công thương cho năm …

Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành công thương cho năm …

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	HFCs	Tổng
1	**NĂNG LƯỢNG**					
1A	**Các hoạt động đốt nhiên liệu**					
1A1	*Công nghiệp năng lượng*					
1A1a	Sản xuất điện và nhiệt					
1A1ai	Sản xuất điện					
1A1b	Lọc hóa dầu					
1A1c	Sản xuất nhiên liệu rắn và ngành công nghiệp					

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	HFCs	Tổng
	năng lượng khác					
1A1ci	Sản xuất nhiên liệu rắn					
1A1cii	Chế biến khí					
1A2	*Công nghiệp sản xuất và xây dựng*					
1A2a	Sắt và thép					
1A2c	Hóa chất và hóa dầu					
1A2d	Giấy, bột giấy và in ấn					
1A2e	Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá					
1A2f	Khoáng phi kim					
1A2g	Thiết bị vận tải					
1A2h	Thiết bị, máy móc					
1A2i	Khai khoáng					
1A2j	Gỗ & các sản phẩm từ gỗ					
1A2k	Xây dựng					
1A2l	Dệt may & đồ da					
1A2m	Công nghiệp không xác định					
1A4	*Lĩnh vực khác*					
1A4a	Thương mại và Dịch vụ					
1A4b	Dân dụng					
1A4c	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản					
1B	**Phát tán từ nhiên liệu**					
1B1	*Khai thác than*					
1B1ai	Khai thác than hầm lò					
1B1aii	Khai thác than lộ thiên					
1B2	*Khai thác dầu và khí tự nhiên*					
1B2a	Dầu					
1B2b	Khí tự nhiên					
2	**IPPU**					
2B	**Công nghiệp hóa chất**					
2B1	Quá trình sản xuất Amoniac					
2B2	Quá trình sản xuất axit Nitric					
2C	**Luyện kim**					
2C1	Quá trình sản xuất sắt thép					

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	HFCs	Tổng
2F	**Sử dụng sản phẩm thay thế cho các chất làm suy giảm tầng ô-dôn**					
2F3	Quá trình sử dụng chất chữa cháy					
	Phát thải khí nhà kính ngành công thương					

IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm …

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm … so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

V. Kết luận và kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 02

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành giao thông vận tải năm …

I. Mô tả chung

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm …

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải hàng không
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường bộ
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường sắt
4. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động vận tải đường thủy

III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành giao thông vận tải cho năm …

Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành giao thông vận tải cho năm …

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	Tổng
1	**NĂNG LƯỢNG**				
1A	**Các hoạt động đốt nhiên liệu**				
1A3	**Giao thông vận tải**				
1A3a	Hàng không				
1A3b	Đường bộ				
1A3c	Đường sắt				
1A3d	Đường thủy				

IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm …

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm … so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

V. Kết luận và kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 03

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành nông nghiệp năm …

I. Mô tả chung

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm …

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động chăn nuôi
2. Phát thải khí nhà kính từ sử dụng đất
3. Phát thải khí nhà kính từ các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO_2

III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành nông nghiệp cho năm …

Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành nông nghiệp cho năm …

Mã IPCC	Nguồn phát thải/ hấp thụ	CO_2	CH_4	N_2O	Tổng
3	**AFOLU**				
3A	**Chăn nuôi**				
3A1	Tiêu hóa thức ăn				
3A2	Quản lý chất thải vật nuôi				
3B	**Đất**				
3B1	Đất rừng				
3B2	Đất trồng trọt				
3B3	Đất cỏ				
3B4	Đất ngập nước				
3B5	Đất ở				
3B6	Đất khác				
3C	**Các nguồn phát thải khác và phát thải ngoài CO_2**				
3C1	Đốt sinh khối				

Mã IPCC	Nguồn phát thải/ hấp thụ	CO_2	CH_4	N_2O	Tổng
3C2	Sử dụng vôi trong canh tác				
3C3	Bón phân Ure				
3C4	Phát thải N_2O trực tiếp của đất				
3C5	Phát thải N_2O gián tiếp của đất				
3C6	Phát thải N_2O gián tiếp của quản lý chất thải vật nuôi				
3C7	Canh tác lúa				

IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm …

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm … so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

V. Kết luận và kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 04

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành tài nguyên và môi trường năm …

I. Mô tả chung

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm …

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Phát thải khí nhà kính từ các bãi chôn lấp chất thải rắn
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải
4. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động xử lý và xả nước thải

III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành nông nghiệp cho năm…

Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành nông nghiệp cho năm…

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	Tổng
4	**CHẤT THẢI**				
4A	**Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn**				
4A1	Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn được quản lý				
4A2	Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn không được quản lý				
4A3	Phát thải từ bãi chôn lấp chất thải rắn không được phân loại				
4B	**Phát thải từ xử lý chất thải rắn bằng phường**				

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	Tổng
	pháp sinh học				
4C	**Phát thải từ thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải**				
4C1	Thiêu đốt chất thải				
4C2	Đốt lộ thiên chất thải				
4D	**Xử lý và xả thải nước thải**				
4D1	Xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt				
4D2	Xử lý và xả thải nước thải công nghiệp				

IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm …

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm … so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải)

V. Kết luận và kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 05

BỘ XÂY DỰNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính ngành xây dựng năm …

I. Mô tả chung

1. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính
2. Phương pháp luận kiểm kê khí nhà kính
3. Số liệu hoạt động và hệ số phát thải
4. Kết quả đánh giá độ không chắc chắn
5. Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng (QA/QC)

II. Hoạt động kiểm kê khí nhà kính năm …

(Trình bày chi tiết về phương pháp luận, số liệu hoạt động, hệ số phát thải và kết quả tính toán phát thải đối với từng hoạt động trong các lĩnh vực)

1. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất xi măng
2. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất vôi
3. Phát thải khí nhà kính từ các hoạt động trong quá trình sản xuất thủy tinh

III. Tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành xây dựng cho năm …

Bảng kết quả kiểm kê khí nhà kính của ngành xây dựng cho năm …

Mã IPCC	Nguồn phát thải	CO_2	CH_4	N_2O	HFCs	Tổng
2	**IPPU**					
2A	**Công nghiệp khoáng sản**					
2A1	Quá trình sản xuất xi măng					
2A2	Quá trình sản xuất vôi					
2A3	Quá trình sản xuất thủy tinh					

IV. Các cải thiện được thực hiện đối với quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm …

Trình bày những cải thiện đã được thực hiện trong quá trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính năm ... so với các năm trước đây (về phương pháp luận, thu thập số liệu hoạt động, hệ số phát thải).

V. Kết luận và kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 06

TÊN CƠ SỞ PHẢI THỰC HIỆN KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO
Kết quả kiểm kê khí nhà kính cho năm…

I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh …

2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật

3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

II. Kết quả thực hiện kiểm kê phát thải khí nhà kính

1. Mô tả phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính (phương pháp thu thập số liệu, hệ số phát thải)

2. Kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính

ĐẠI DIỆN CỦA CƠ SỞ

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đề nghị điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức đề nghị

- Tên đầy đủ của tổ chức: …
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …
- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …
- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

2. Nội dung đề nghị

- Căn cứ về hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu đã cấp: Quyết định/ Thông báo số…;
- Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị điều chỉnh hạn ngạch: …
- Lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính đề nghị điều chỉnh: … (lượng, đơn vị tính) theo bảng đính kèm.

3. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

4. Cam kết

(Tên tổ chức đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và tài liệu kèm theo./.

(Địa danh), ngày… tháng … năm …
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 08

TÊN ĐƠN VỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH VÀ KẾT QUẢ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số ……/2021/NĐ-CP ngày ….. tháng ….. năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn,

Tôi là (Ghi họ tên bằng chữ in hoa) :……

Đề nghị đăng ký đủ điều kiện thực hiện thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho công ty/tổ chức do tôi là người đại diện theo pháp luật với những thông tin sau:

1. Tên công ty:

Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có):.....

Email (nếu có):..... Website (nếu có):.....

3. Thông tin về giấy phép kinh doanh

4. Thông tin về năng lực thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

- Chứng nhận năng lực thẩm định được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận: ……

- Chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065:

- Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực:

+ Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận:… cho lĩnh vực:…

+ Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận:… cho lĩnh vực:…

+ Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận:… cho lĩnh vực:…

+ Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận:… cho lĩnh vực:…

+ Số kỹ thuật viên được cấp chứng nhận:… cho lĩnh vực:…

5. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, gồm:

- Bản sao công chứng giấy phép kinh doanh

- Bản sao công chứng chứng nhận năng lực thẩm định được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận (nếu có) đã công chứng

- Bản sao công chứng chứng nhận tiêu chuẩn TCVN ISO 14065 (nếu có)

- Bản sao công chứng chứng nhận hoàn thành khóa học về kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (nếu có)

Công ty/Tổ chức cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ quản lý lĩnh vực liên quan quy định; xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động thẩm định. Tổ chức xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với đơn vị thẩm định.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chứng nhận./.

TM. TỔ CHỨC

PHỤ LỤC III.

MẪU BÁO CÁO GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-TTg ngày tháng năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành
Mẫu số 02	Mẫu báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của …

I. Thông tin chung

1. Mục tiêu chung của ngành
2. Đường phát thải cơ sở của ngành
3. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

STT	Tên biện pháp/hoạt động	Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định lượng	Giai đoạn thực hiện
1			
2			
…			

II. Kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Biện pháp số 1:

a) Thông tin chung

- Phạm vi thực hiện
- Thời gian thực hiện
- Điểm tham chiếu/ đường phát thải cơ sở/ năm cơ sở
- Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

b) Phương pháp đo đạc

- Mô tả phương pháp đo đạc
- Các chỉ số đo đạc

c) Tổ chức đo đạc, báo cáo thẩm định

- Bên thực hiện đo đạc
- Bên thực hiện xây dựng báo cáo kết quả đo đạc
- Bên thực hiện thẩm định báo cáo kết quả đo đạc
- Mô tả quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định

c) Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định lượng
- So sánh với kết quả thực hiện của năm gần nhất

2. Biện pháp số 2:

III. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định lượng của ngành

IV. Hoạt động giám sát, đánh giá

V. Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 02

TÊN CƠ SỞ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở …

I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh …
2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật
3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

II. Kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Mô tả biện chi tiết pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
2. Mô tả phương pháp tính toán lượng giảm phát thải khí nhà kính
3. Mô tả phương pháp thu thập số liệu
2. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính năm …

TM. TỔ CHỨC

PHỤ LỤC IV.
MẪU KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Mẫu số 01	Mẫu kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành
Mẫu số 02	Mẫu kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CỦA NGÀNH …

I. Mục tiêu chung của ngành

(theo mức phân bổ quy định tại Điều 6 của Nghị định).

II. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Mô tả, trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính của toàn ngành và các tiểu ngành trong phạm vi quản lý;

- Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, mô hình xây dựng kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường (BAU);

- Tiềm năng giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của toàn ngành và các tiểu ngành trong phạm vi quản lý;

- Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của toàn ngành và các tiểu ngành trong phạm vi quản lý;

- Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý;

III. Kế hoạch thực hiện

- Mô tả kế hoạch, nguồn lực, lộ trình thực hiện biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của toàn ngành và các tiểu ngành trong phạm vi quản lý.

IV. Hoạt động giám sát, đánh giá

- Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của toàn ngành và các tiểu ngành trong phạm vi quản lý.

V. Tổ chức thực hiện

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CỦA CƠ SỞ ….

I. Thông tin của cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

1. Tên cơ sở, địa chỉ, giấy phép kinh doanh …

2. Thông tin về người đại diện của cơ sở trước pháp luật

3. Thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, sản xuất

II. Kết quả kiểm kê khí nhà kính và kịch bản phát thải cơ sở

- Mô tả, trình bày kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở đã được nêu trong báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở.

- Mô tả chi tiết phương pháp, số liệu đầu vào, mô hình xây dựng kịch bản phát thải khí nhà kính của cơ sở trong điều kiện phát triển thông thường (BAU).

III. Mục tiêu và biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Mô tả biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

IV. Kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý.

- Mô tả chi tiết phương pháp đo đạc lượng giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

V. Hoạt động giám sát, đánh giá

- Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở.

VI. Chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật

- Liệt kê các cơ quan, tổ chức cơ sở gửi báo cáo.

TM. TỔ CHỨC

PHỤ LỤC V.
MẪU VĂN BẢN VỀ TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÁC-BON TRONG NƯỚC

Mẫu số 01	Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch
Mẫu số 02	Giấy xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch
Mẫu số 03	Mẫu thông tin về đăng ký thực hiện chương trình, dự án theo cơ trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon ngoài khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
Mẫu số 04	Mẫu thông tin định kỳ về tình hình thực hiện chương trình, dự án theo cơ trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon ngoài khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÍN CHỈ CÁC-BON ĐƯỢC GIAO DỊCH

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(qua Cục Biến đổi khí hậu)

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....

1. Thông tin dự án

- Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án: …(tên cơ chế)…;

- Lĩnh vực hoạt động của chương trình/dự án: …(tên lĩnh vực)…;

- Giai đoạn tín dụng của chương trình/dự án: từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…;

- Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp cho chương trình/dự án trong giai đoạn tín dụng:…(số tín chỉ)…;

2. Đề nghị xác nhận:

Lượng tín chỉ các-bon đề nghị xác nhận giao dịch:…

....., ngày .....tháng .....năm ....

TM. CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /GXN-BĐKH	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY XÁC NHẬN
TÍN CHỈ CÁC-BON ĐƯỢC GIAO DỊCH

Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon được giao dịch của … (tên doanh nghiệp) … tại văn bản số … (số hiệu văn bản đề nghị của doanh nghiệp)…;

Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận lượng tín chỉ các-bon được giao dịch như sau:

1. Thông tin dự án

- Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án: … (tên cơ chế)…;

- Lĩnh vực hoạt động của chương trình/dự án: …(tên lĩnh vực)…;

- Giai đoạn tín dụng của chương trình/dự án: từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…;

- Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp cho chương trình/dự án trong giai đoạn tín dụng:…(số tín chỉ)…;

2. Xác nhận

Lượng tín chỉ các-bon được xác nhận để giao dịch:… ./.

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 03

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Biến đổi khí hậu)
- Sở Tài nguyên và Môi trường

Tên chủ chương trình/dự án:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....

Chủ chương trình/dự án ...(tên chương trình/dự án)... gửi Quý Cơ quan thông tin về đăng ký chương trình/dự án như sau:

1. Thông tin về chương trình/dự án

- Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án: …(tên cơ chế)…;

- Lĩnh vực hoạt động của chương trình/dự án: …(tên lĩnh vực)…;

- Giai đoạn tín dụng của chương trình/dự án: từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…;

- Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp cho chương trình/dự án trong giai đoạn tín dụng:…(số tín chỉ)…;

2. Kiến nghị (*nếu có*):

....., ngày .....tháng .....năm ....

TM. CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN VỀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Biến đổi khí hậu)
- Sở Tài nguyên và Môi trường

Tên chủ chương trình/dự án:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email:.....

Chủ chương trình/dự án ...(tên chương trình/dự án)... gửi Quý Cơ quan tình hình thực hiện chương trình/dự án như sau:

1. Tình hình thực hiện dự án

- Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon áp dụng cho chương trình/dự án: …(tên cơ chế)…;

- Lĩnh vực hoạt động của chương trình/dự án: …(tên lĩnh vực)…;

- Thời điểm được công nhận là chương trình/dự án theo …(tên cơ chế)…;

- Giai đoạn tín dụng của chương trình/dự án: từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…;

- Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp cho chương trình/dự án trong giai đoạn tín dụng:…(số tín chỉ)…;

- Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp cho chương trình/dự án:…(số tín chỉ)… Thông tin chi tiết cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 1 (từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…):…(số tin chỉ)…;
+ Giai đoạn 2 (từ tháng …/năm… đến tháng…/năm…):…(số tin chỉ)…;
…

- Tổng lượng tín chỉ đã trao đổi: …(số tín chỉ)….

2. Kiến nghị (*nếu có*):

....., ngày .....tháng .....năm ....

TM. CƠ QUAN/ TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VI.

MẪU VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN

Mẫu số 01	Mẫu đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát
Mẫu số 02	Mẫu báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát
Mẫu số 03A	Mẫu Quyết định về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 03B	Mẫu Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 04	Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 05A	Thông báo phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 05B	Thông báo điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 06	Mẫu Quyết định về việc hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 07A	Mẫu Đơn đăng ký nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 07B	Mẫu Đơn đăng ký xuất khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 08A	Mẫu Giấy phép nhập khẩu khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 08B	Mẫu Giấy phép xuất khẩu khẩu các chất được kiểm soát
Mẫu số 09	Mẫu cung cấp thông tin, dữ liệu về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal
Mẫu số 10	Mẫu cung cấp thông tin, dữ liệu hải quan về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
SỬ DỤNG CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đăng ký sử dụng và đăng ký cấp hạn ngạch các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

2. Nội dung đăng ký

a) Đăng ký hoạt động sử dụng:

☐ Sản xuất ra chất được kiểm soát;

☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;

☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;

☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát;

☐ Nạp chất được kiểm soát vào các thiết bị thuộc sở hữu của tổ chức.

b) Thông tin về chất đăng ký sử dụng:

TT	Hoạt động	Thông tin về chất đăng ký sử dụng			Thông tin khác
		Tên chất	Lượng	ĐVT	
1.	Sản xuất ra chất được kiểm soát	HCFC...			*Dự kiến sử dụng trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu*
		HFC...			
2.	Nhập khẩu chất được kiểm soát				*Nơi dự kiến nhập khẩu*
		HCFC...			
		HFC...			
3.	Xuất khẩu chất được kiểm soát				*Nơi dự kiến xuất khẩu*
		HCFC...			
		HFC...			
4.	Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát				*Dự kiến sản phẩm, thiết bị được sản xuất,*
		HCFC...			
		HFC...			
5.	Nạp chất được kiểm soát vào các thiết bị thuộc sở hữu của tổ chức				*Tần suất nạp chất được kiểm soát vào thiết bị*
		HCFC...			
		HFC...			

c) Thông tin khác.

3. Tài liệu kèm theo Đơn đăng ký (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

....

Các thông tin trên được đăng ký trên nhu cầu sử dụng thực tế của (Tên tổ chức đăng ký).

(Tên tổ chức đăng ký) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đăng ký này và tài liệu kèm theo./.

(Địa danh), ngày… tháng ... năm ...

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 02

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) báo cáo tình hình sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal trong thời gian từ ngày …. tháng …. năm .... đến ngày …. tháng …. năm …. với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin chung (đề nghị ghi rõ nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký)

a) Thông tin về tổ chức báo cáo

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

b) Thông tin về hoạt động đăng ký sử dụng

☐ Sản xuất ra chất được kiểm soát;

☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;

☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;

☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa chất được kiểm soát;

☐ Nạp chất được kiểm soát vào các thiết bị thuộc sở hữu của tổ chức.

2. Thông tin về tình hình sử dụng các chất được kiểm soát

(Thông tin tổng hợp theo bảng 2A và 2B kèm theo)

3. Tài liệu kèm theo Báo cáo (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

....

4. Cam kết

(Tên tổ chức) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong báo cáo này và tài liệu kèm theo./.

(Địa danh), ngày… tháng … năm …
TỔ CHỨC BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

Bảng 1: Thông tin về tình hình phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát

TT	Hoạt động	Lượng chất được phân bổ trong năm báo cáo *(căn cứ ...)*			Lượng chất được điều chỉnh, bổ sung trong năm báo cáo *(căn cứ....)*			Tổng lượng sử dụng đến hết 31/12 của năm báo cáo		
		Tên chất	Lượng	ĐVT	Tên chất	Lượng	ĐVT	Tên chất	Lượng	ĐVT
1.	Sản xuất ra chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								
2.	Nhập khẩu chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								
		HCFC...								
		…								
3.	Xuất khẩu chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								

Bảng 2: Thông tin về tình hình sử dụng các chất được kiểm soát trong 03 năm gần nhất

TT	Tên chất	Lượng chất sử dụng thực tế trong 03 năm gần nhất (theo tấn)																							
		Lượng chất được sản xuất ra (nếu có)			*Lượng chất nhập khẩu (nếu có)*			*Lượng chất xuất khẩu (nếu có)*			*Lượng chất sử dụng trong sản xuất sản phẩm, thiết bị (nếu có)*			*Lượng chất nạp vào các thiết bị thuộc sở hữu của tổ chức (nếu có)*			*Lượng chất được thu gom (nếu có)*			*Lượng chất được tái chế, tái sử dụng (nếu có)*			*Tiêu hủy (nếu có)*		
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1.	HCFC...																								
2.	HFC...																								
3.																									
4.																									
5.																									
6.																									
7.																									
	Tổng																								

Mẫu số 03A

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày tháng năm….*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số .../…. /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Xét đơn đăng ký sử dụng và phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal của ... (tên tổ chức);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal cho các tổ chức có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức được phân bổ hạn ngạch:

1. Sử dụng các chất được kiểm soát theo đúng mục đích, lượng đã được phân bổ hạn ngạch.

2. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định khác có liên quan đối với chất được kiểm soát đã được phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu trước ngày ....

3. Tuân thủ các yêu cầu về sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất được kiểm soát quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến đến ngày 31 tháng 12 năm …

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng …, tổ chức có tên tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,…

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 03B

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BTNMT	
	Hà Nội, ngày tháng năm…

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số .../.... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Xét đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát đã được phân bổ của ... (tên tổ chức);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát tại Quyết định số ... /QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal cho tổ chức có tên tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ... /QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm ...

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng …, tổ chức …, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,…

Mẫu số 04

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức đề nghị

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

2. Nội dung đề nghị

- Đề nghị điều chỉnh phân bổ hạn ngạch ☐

- Đề nghị bổ sung phân bổ hạn ngạch ☐

3. Tóm tắt tình hình sử dụng theo HN đã được phân bổ và đề nghị điều chỉnh, bổ sung HN sử dụng các chất được kiểm soát *(mẫu kèm theo)*

- Căn cứ về hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu đã cấp: Quyết định/ Thông báo số…;

- Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị điều chỉnh, bổ sung HN sử dụng các chất được kiểm soát: …

- Lượng chất được kiểm soát đề nghị điều chỉnh, bổ sung: … (lượng, đơn vị tính) theo bảng đính kèm.

4. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

5. Cam kết

(Tên tổ chức đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và tài liệu kèm theo./.

(Địa danh), ngày… tháng ... năm ...
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

Bảng 1: Thông tin đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát

TT	**Hoạt động**	**Lượng chất đăng ký sử dụng trong năm** *(theo Đơn đăng ký đã gửi tới cơ quan NN có thẩm quyền)*			**Lượng chất được phân bổ trong năm** *(căn cứ...)*			**Đề nghị điều chỉnh, bổ sung**		
		Tên chất	Lượng	ĐVT	Tên chất	Lượng	ĐVT	Tên chất	Lượng	ĐVT
4.	Sản xuất ra chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								
5.	Nhập khẩu chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								
		HCFC...								
		…								
6.	Xuất khẩu chất được kiểm soát									
		HCFC...								
		HFC...								

Mẫu số 05A

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BĐKH	*Hà Nội, ngày tháng năm…*

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC PHÂN BỔ HẠN NGẠCH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm … của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức được phân bổ hạn ngạch

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

2. Hạn ngạch được phân bổ tính đến hết ngày… tháng … năm … của tổ chức …. như sau:

- Tên chất:

- Lượng phân bổ (đơn vị tính):

Cục Biến đổi khí hậu thông báo để tổ chức … biết và thực hiện./.

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 05B

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-BĐKH	*Hà Nội, ngày tháng năm…*

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT

Căn cứ Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch:

- Tên đầy đủ của tổ chức: …

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: … Ngày cấp: … Nơi cấp: …

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức… Chức vụ: …

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: …

- Địa chỉ liên hệ: … Điện thoại: …

- Fax: … Địa chỉ thư điện tử: …

2. Hạn ngạch được điều chỉnh, bổ sung tính đến hết ngày… tháng … năm … của tổ chức …. như sau:

- Tên chất:

- Lượng điều chỉnh, bổ sung (đơn vị tính):

Cục Biến đổi khí hậu thông báo để tổ chức … biết và thực hiện./.

CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 06

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày tháng năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số .../.... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát tại Quyết định số ... /QĐ-BTNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal cho tổ chức …, đối với chất …

Điều 2. (Tên tổ chức)… đã được phân bổ hạn ngạch sản xuất, xuất khẩu và nhập khẩu các chất được kiểm soát tại Quyết định số ... /QĐ-BTNMT phải chấm dứt ngay các hoạt động sử dụng các chất đã được phân bổ hạn ngạch và thực hiện các nghĩa vụ sau:

…

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng …, tổ chức …, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,…

Mẫu số 07A

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	_____
V/v Đăng ký nhập khẩu các chất được kiểm soát	*..., ngày ...tháng ...năm 20...*

Kính gửi: Bộ …

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

E-mail .....

Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) .... đăng ký nhập khẩu các chất được kiểm soát như sau:

Tên chất: ....

Khối lượng nhập khẩu dự kiến (kg) ....

Khối lượng đăng ký (kg) ....

Tổ chức xuất khẩu: ..... Nước xuất khẩu: .....

Hợp đồng nhập khẩu số .....ngày ....tháng ....năm .....

(Tổ chức) .... cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 07B

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	_____
V/v Đăng ký xuất khẩu các chất được kiểm soát	*..., ngày ...tháng ...năm 20...*

Kính gửi: Bộ …

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: ..... Fax .....

E-mail .....

Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) .... đăng ký xuất khẩu các chất được kiểm soát như sau:

Tên chất: ..... ……

Khối lượng xuất khẩu dự kiến (kg) ……

Khối lượng đăng ký (kg) ..... …….....

Tổ chức nhập khẩu:.....Nước nhập khẩu:.....

Hợp đồng xuất khẩu số .....ngày ....tháng ....năm .....

Tổ chức bán hàng: .....

(Tổ chức) .... cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 08A

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BCT-XNK V/v cấp phép nhập khẩu các chất HCFC (Phụ lục I)	*Hà Nội, ngày . . . . tháng . . . . năm 20 . . .*

Kính gửi:. . . . . .

Căn cứ Nghị định số . . . . . ngày tháng … năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Xét Đơn đăng ký nhập khẩu số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . . của (tên thương nhân) . . . . về việc đăng ký nhập khẩu các chất … ;.

Bộ Công Thương đồng ý (tên thương nhân) . . . . . được nhập khẩu:

- Tên chất: . . . .
- Khối lượng (kg):. . . . .
- Mã HS . . . .
- Nước xuất khẩu: . . . .

Văn bản này có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20 . . .

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Lưu: VT, XNK.

Mẫu số 08B

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BCT-XNK	
V/v cấp phép xuất khẩu các chất	*Hà Nội, ngày . . . . tháng . . . . năm 20 . . .*

Kính gửi:. . . . . .

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Xét Đơn đăng ký xuất khẩu số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . . của (tên thương nhân) . . . . về việc đăng ký xuất khẩu các chất … ;.

Bộ Công Thương đồng ý (tên thương nhân) . . . . . được xuất khẩu:

- Tên chất: . . . .
- Khối lượng (kg):. . . . .
- Mã HS . . . .
- Nước nhập khẩu: . . . .

Văn bản này có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20 . . .

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Lưu: VT, XNK.

Mẫu số 09

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……..	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20…*
V/v cung cấp thông tin, dữ liệu về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal	

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày … tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Cục…, Bộ … gửi các thông tin, dữ liệu về các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý để Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam như sau:

1. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo: …… (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo).

2. Tổng hợp thông tin về các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý:

STT	**Tên doanh nghiệp**	**Tên chất**	**Cấp phép nhập khẩu**		**Cấp phép xuất khẩu**		**Ghi chú**
			ĐVT	Lượng	ĐVT	Lượng	
1.	Doanh nghiệp A						
		HCFC….					
		HFC…					
2.	Doanh nghiệp B						
		HCFC….					
		HFC…					

3. Các thông tin có liên quan khác: ….

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nơi nhận:
- Như trên;
- …
- Lưu: ….

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN _____ Số: …….. V/v cung cấp thông tin, dữ liệu hải quan về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20…*

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Nghị định số …/2021/NĐ-CP ngày … tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính kính gửi các thông tin, dữ liệu hải quan về các chất được kiểm soát để Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam:

1. Thời gian chốt số liệu trong báo cáo: …. (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo).

2. Tổng hợp thông tin về việc nhập khẩu các chất được kiểm soát:

STT	Mã hàng	Tên hàng	Tên doanh nghiệp	Xuất xứ	ĐVT	Lượng	Ghi chú

3. Tổng hợp thông tin về việc xuất khẩu các chất được kiểm soát:

STT	Mã hàng	Tên hàng	Tên doanh nghiệp xuất khẩu	Tên doanh nghiệp nhập khẩu	Quốc gia nhập khẩu	ĐVT	Lượng	Ghi chú

4. Các thông tin có liên quan khác: ….

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- …
- Lưu: ….